

Phụ lục
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN "XÂY DỰNG
CƠ SỞ KINH DOANH, ĐÓNG GÓI VÀ TRUNG BÀY, BÁN SẢN PHẨM
PHỤ TÙNG XE GẮN MÁY, XE GẮN MÁY HAI BÁNH, XE MÁY ĐIỆN"**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2023
của UBND tỉnh Nam Định)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

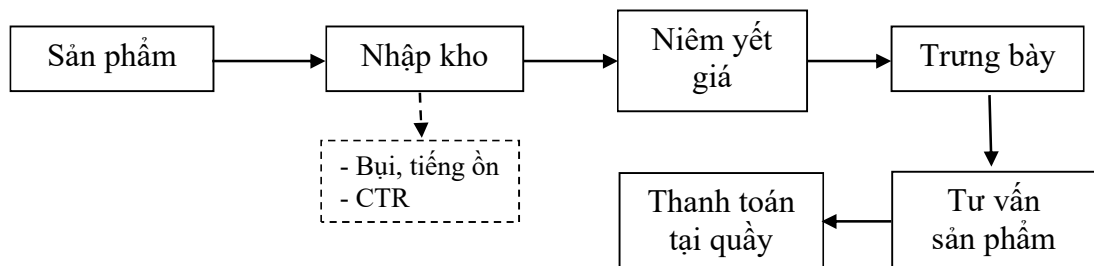
- Tên dự án: Xây dựng cơ sở kinh doanh, đóng gói và trưng bày, bán sản phẩm phụ tùng xe gắn máy, xe gắn máy hai bánh, xe máy điện.
- Địa điểm thực hiện: Phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
- Chủ dự án: Công ty cổ phần Vina Thái.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

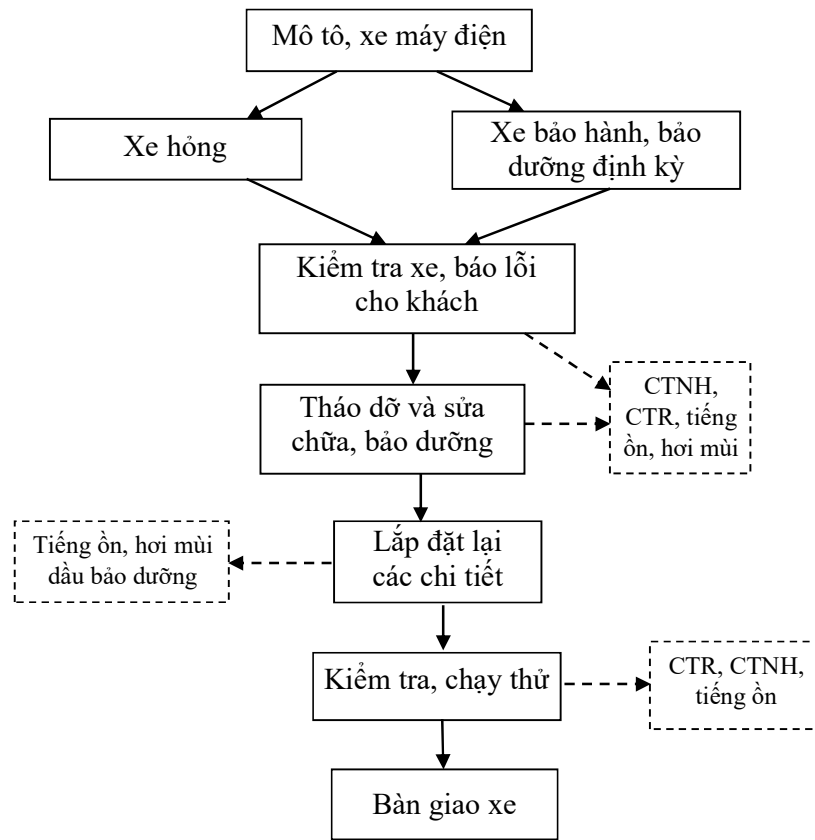
- Phạm vi: Dự án "Xây dựng cơ sở kinh doanh, đóng gói và trưng bày, bán sản phẩm phụ tùng xe gắn máy, xe gắn máy 2 bánh, xe máy điện" được xây dựng trên khu đất có diện tích 9.364 m² tại phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định.
- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Công suất: Dự án hoạt động kinh doanh thương mại với các mặt hàng
 - + Bán mô tô, xe máy điện với công suất 5.000 chiếc/năm.
 - + Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác với công suất 20.000 chiếc/năm.
 - + Sửa chữa bảo dưỡng xe máy điện, mô tô với công suất 720 chiếc/năm.
 - + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa bao gồm sản phẩm của Công ty và sản phẩm nhập về bán (xe mô tô, xe máy điện, phụ kiện của xe mô tô, ô tô, xe máy điện, xe có động cơ khác).

1.3. Quy trình hoạt động của Dự án

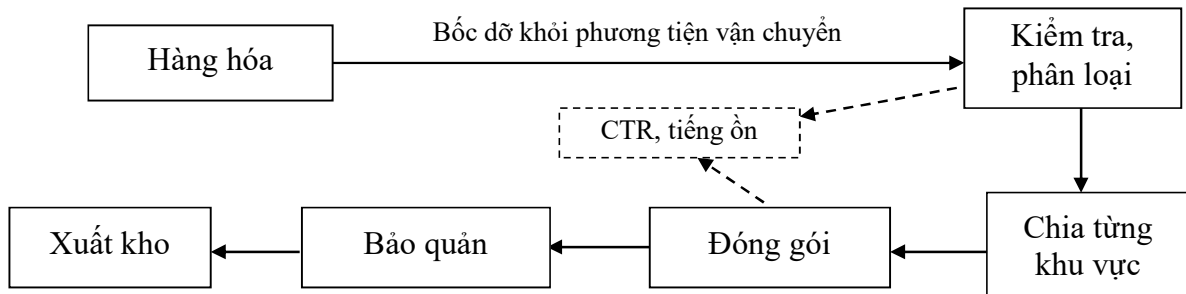
* Quy trình kinh doanh của dự án



* Quy trình sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy điện



* Quy trình đóng gói, lưu trữ hàng trong kho



1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

TT	Hạng mục công trình	Diện tích đất xây dựng (m ²)	Số tầng
1	Nhà giới thiệu sản phẩm	437,5	02
2	Nhà kho	1.890	01
3	Nhà đóng gói sản phẩm	1.980	01
4	Nhà điều hành + nhà ăn	214,5	02

(Chi tiết diện tích các hạng mục công trình khác được nêu trong báo cáo ĐTM)

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Căn cứ Điểm đ Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án có yếu tố nhạy cảm do có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ với diện tích 9.045,7 m² thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động bóc tách tầng đất mặt (đất trồng lúa nước 02 vụ) và nạo vét kênh mương thủy lợi: Phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn.
- San lấp mặt bằng: Phát sinh bụi, khí thải.
- Thi công hạ tầng kỹ thuật các công trình của dự án: Phát sinh bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn, tiếng ồn.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu: Phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công: Phát sinh nước thải, chất thải rắn sinh hoạt.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các phương tiện ra vào dự án: Phát sinh bụi, khí thải.
- Hoạt động của cán bộ, công nhân viên và khách hàng đến tham quan, mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng xe: Phát sinh nước thải, chất thải rắn.
- Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng xe: Phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH).
- Khu vực bể xử lý nước thải, khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh mùi, khí thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Đối với nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án giai đoạn thi công phát sinh khoảng 17.904 m³/năm. Thành phần gồm: Đất, cát, vật liệu rơi vãi, chất cặn bã, dầu mỡ,...
- Nước thải từ hoạt động xây dựng phát sinh khoảng 1,3 m³/ngày. Thành phần gồm: Đất, cặn, dầu mỡ.
- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh khoảng 2,5 m³/ngày.đêm. Thành phần gồm: BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, Nitrat, Phosphat, Amoni, tổng Coliforms.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn trên sân đường nội bộ phát sinh khoảng 13.964 m³/năm. Thành phần gồm: Tổng nitơ, phospho, COD, tổng chất rắn lơ lửng, TSS.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 5,6 m³/ngày.đêm. Thành phần gồm: BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, sunfua, Amoni, tổng N, tổng P, tổng Coliforms,...

3.1.2. Đối với bụi và khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bụi: Phát sinh trong các công đoạn như bóc tách tầng đất mặt, nạo vét bùn kênh mương, san lấp mặt bằng; hoạt động bốc dỡ, vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động của các phương tiện vận chuyển. Thành phần gồm: Bụi đất, bụi đá, bụi cát,...

- Khí thải

+ Khí thải phát sinh từ các thiết bị máy móc hoạt động trên công trường (xe tải, máy xúc, máy cắt, máy đầm,...) và phương tiện vận chuyển. Thành phần gồm: Khí SO₂, CO_x, NO_x, hydrocacbon,...

+ Khí thải phát sinh từ sự phân huỷ các chất thải, rác thải trên công trường thi công. Thành phần gồm: CH₄, NH₃, H₂S,...

b) Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện ra vào khu vực kinh doanh dịch vụ của dự án. Thành phần khí thải chủ yếu là CO, SO₂, NO_x, VOC, bụi.

- Hơi mùi xăng, dầu từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa xe máy điện, mô tô. Thành phần chủ yếu CO, SO₂, NO_x, VOC, bụi.

- Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng. Thành phần gồm: Bụi, CO, SO₂,...

- Hơi, mùi khí thải phát sinh từ khu vực bể xử lý nước thải, khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt. Thành phần gồm: Khí H₂S, CO₂, CH₄,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH)

3.2.1. Đối với chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công với khối lượng khoảng 20 kg/ngày. Thành phần gồm: Giấy vụn, túi nilon, bìa carton, vỏ hoa quả, phần thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình xây dựng với khối lượng khoảng 2,576 tấn. Thành phần gồm: Đất đá rơi vãi, sắt thép vụn, gỗ cốp pha, dây thừng, thùng chứa,...

- Bùn đất từ hoạt động nạo vét kênh mương với khối lượng khoảng 43,725 m³.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt ước tính khoảng 32 kg/ngày. Thành phần gồm: giấy vụn, túi nilong, vỏ hộp, rác hữu cơ như vỏ hoa quả, thức ăn thừa...

- Chất thải rắn thông thường phát sinh khoảng 21 kg/ngày. Thành phần gồm: Bao bì, bìa carton, túi và dây buộc bằng nilon, vỏ lon, vỏ chai nhựa, kim loại,...

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt khoảng 0,3 kg/ngày.

3.2.2. Đối với chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

CTNH phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng với khối lượng khoảng 69 kg cho cả quá trình xây dựng. Thành phần gồm: Dầu thải, sơn thải, vỏ thùng chứa sơn, que hàn thải chứa thành phần nguy hại, giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ,...

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 355 kg/năm. Thành phần gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, đèn led thải, dầu thải, pin, ắc quy thải, bộ lọc dầu thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải,...

3.3. Đất bóc tách tầng đất mặt, đất đào hồ nước

Khối lượng đất bóc tách tầng đất mặt từ đất trồng lúa nước 02 vụ và đất đào hồ nước khoảng 1.857,14 m³.

3.4. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Tiếng ồn chủ yếu do hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên liệu và thiết bị thi công.

- Độ rung từ máy đóng cọc, máy cắt kim loại, máy trộn bê tông,...

b) Giai đoạn vận hành

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu trưng bày giới thiệu sản phẩm, khu sửa chữa bảo dưỡng xe máy điện, mô tô; khu vực đóng gói sản phẩm.

- Tiếng ồn phát sinh từ các máy móc như quạt gió, điều hòa nhiệt độ, máy hút mùi, khi hoạt động sẽ phát sinh tiếng ồn với mức ồn không lớn do các thiết bị được trang bị mới, phạm vi ảnh hưởng nhỏ.

- Tiếng ồn phát sinh từ máy phát điện.

3.5. Tác động khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Các tác động do các rủi ro, sự cố như: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, thiên tai.

b) Giai đoạn vận hành

Các tác động do các rủi ro, sự cố như: Chập điện, cháy nổ, tai nạn giao thông, an toàn lao động,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với nước thải sinh hoạt: Chủ dự án lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động gần khu vực lán trại với dung tích bể chứa chất thải 03 m³/bể để thu gom toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt và thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 02 ngày/lần.

- Đối với nước thải từ quá trình xây dựng: Chủ dự án sẽ khơi thông tuyến thoát nước tự nhiên có trong khu vực dự án và tạo rãnh thu gom nước xung quanh chân công trình, nước thải sau thu gom sẽ chảy qua 02 hố ga lắng cặn có thể tích khoảng 2,16 m³/hố ga. Thường xuyên nạo vét cặn lắng trong hố ga, nước thải tái sử dụng để đập bụi.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Chủ dự án sẽ tiến hành che chắn nguyên vật liệu tập kết tại công trường để hạn chế nước mưa cuốn trôi các tạp chất bẩn; bố trí hố ga lắng cặn và rãnh tiêu thoát nước kịp thời trước khi thải ra kênh tiêu T3-6 phía Nam, Đông Nam dự án, tránh hiện tượng ngập úng cục bộ. Cử công nhân thu dọn các chất thải rắn, phế liệu sau mỗi ngày làm việc.

b) Giai đoạn vận hành

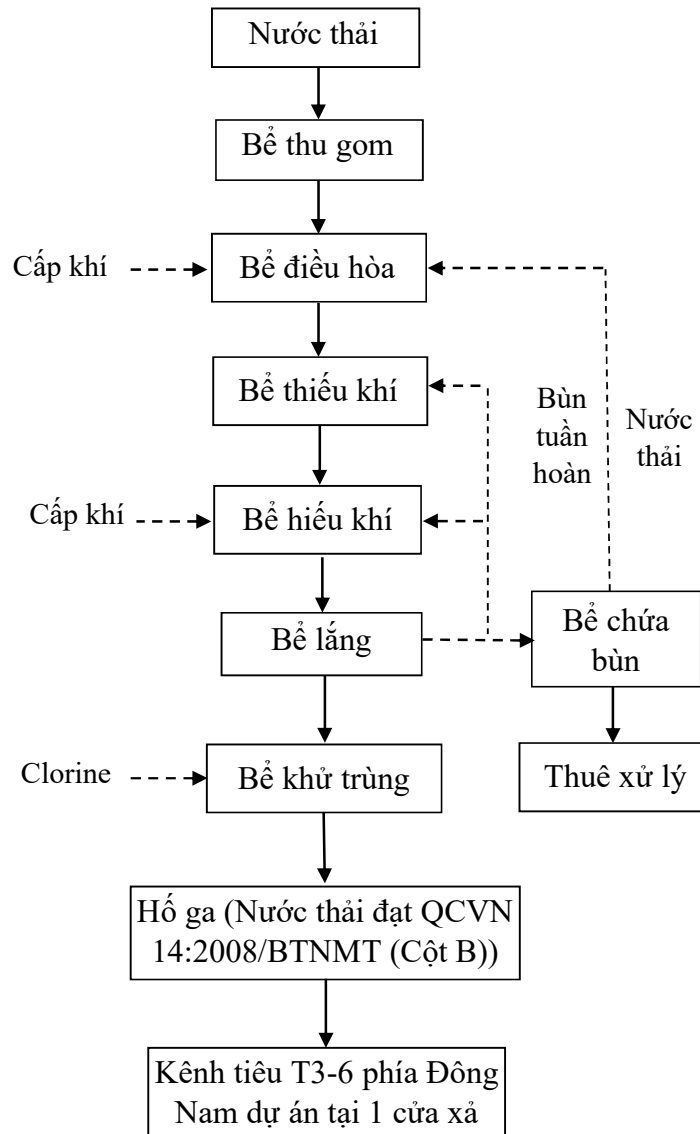
Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt về bể xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.đêm và xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi thải ra kênh tiêu T3-6 phía Đông Nam của dự án tại 01 điểm xả.

- Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

- Nước mưa chảy tràn trên mái các tòa nhà được thu gom bằng ống nhựa PVC D110, cùng nước mưa chảy tràn trên sân đường chảy vào cống BTCT D400 và được lắng cặn qua các hố ga. Tuyến cống thoát nước được quy hoạch dẫn ra hệ thống thoát nước khu vực tại 01 cửa xả phía Bắc dự án.

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn sau đó được dẫn về hệ thống bể xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.đêm để xử lý.

* Quy trình xử lý của hệ thống bể xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.đêm



(Chi tiết thông số kỹ thuật của hệ thống bể xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.đêm được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án)

4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Sử dụng phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công đảm bảo quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, không sử dụng thiết bị thi công cũ, lạc hậu; các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ, chở đúng tải trọng cho phép và có bạt che chắn, không để vật liệu rơi xuống dọc tuyến đường vận chuyển.

- Không đốt các loại chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng dự án.

b) Giai đoạn vận hành

* Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải

- Lắp đặt biển báo, đèn tín hiệu để phân luồng giao thông. Xe lưu hành đúng tải trọng và đi đúng các tuyến đường quy định, thuận tiện đảm bảo xe ra vào không ùn tắc, cản trở giao thông.

- Định kỳ tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện giao thông.

- Tại khu vực sửa chữa, bảo dưỡng xe có nội quy quy định rõ ràng cho các phương tiện giao thông ra vào, bố trí hợp lý các xe đến mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa và xác xe đã bảo dưỡng, sửa chữa và bố trí thông thoáng khu vực để các xe bảo dưỡng, sửa chữa chờ sửa chữa trong khu vực.

- Hơi xăng dầu từ các phương tiện sửa chữa bảo dưỡng sẽ áp dụng biện pháp giảm thiểu tác động bằng hệ thống quạt công nghiệp nhằm thông gió tự nhiên.

- Đảm bảo vệ sinh đường sạch sẽ, tưới đường thường xuyên, trên tất cả các tuyến đường, đặc biệt vào thời điểm khô hanh.

- Trồng cây xanh xung quanh dự án với diện tích 1.910 m², chiếm tỷ lệ 20,4% tổng diện tích mặt bằng.

- * Biện pháp giảm thiểu hơi mùi phát sinh từ khu vực quản lý và xử lý chất thải

- Khí thải phát sinh từ quá trình phân huỷ rác thải tại khu vực quản lý chất thải: Toàn bộ chất thải phát sinh cho vào thùng nhựa có nắp đậy kín, Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Khí thải phát sinh từ khu vực xử lý nước thải

- + Hệ thống xử lý được xây dựng có nắp đậy bằng bê tông cốt thép.

- + Nước thải thu về được xử lý liên tục, không lưu giữ, tránh hiện tượng yếm khí, gây mùi.

- + Kiểm tra chế độ bơm nước thải tại các bể để đảm bảo thời gian lưu nước, tránh xảy ra tình trạng phân huỷ kỵ khí ở các bể.

- + Định kỳ 1 - 2 tuần/lần tiến hành phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột xung quanh khu vực xử lý nước thải để hạn chế ruồi nhặng, hơi mùi phát sinh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 03 thùng rác (thể tích 50 lít/thùng) tại khu vực dự án để thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải của địa phương, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải rắn xây dựng

+ Chất thải rắn từ quá trình thi công: Đất, đá, gạch vỡ, bê tông thải,... được tận dụng để san lấp mặt bằng

+ Đối với các loại sắt thép vụn, bao bì, gỗ,... được bán cho cơ sở có nhu cầu sử dụng, tái chế.

+ Đối với các loại chất thải khác không thể tái chế, tái sử dụng, chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với bùn nạo vét kênh mương: Được tái sử dụng toàn bộ để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

b) Giai đoạn vận hành

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Thực hiện phân loại rác thải tại nguồn thành 03 loại theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường. Bố trí 30 thùng (thể tích 30 lít/thùng) có nắp đậy kín đặt tại khu giới thiệu sản phẩm, khu văn phòng làm việc, khu vực nhà ăn, nhà đóng gói sản phẩm, sân đường giao thông nội bộ. Hàng ngày công nhân vệ sinh sẽ thu gom về kho chất thải rắn thông thường diện tích 15 m² (bố trí phía Tây Nam dự án thuộc khu nhà chứa chất thải rắn). Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Đối với rác thải thông thường: Được thu gom về kho chất thải rắn thông thường diện tích 15 m² để phân loại:

+ Đối với chất thải rắn thông thường có thể tái chế như vỏ lon bia, vỏ nước ngọt, giấy, bìa carton, nhựa, kim loại sẽ được thu gom lưu chứa vào kho chứa 15 m² và bán tận thu cho các cơ sở tái chế.

+ Đối với chất thải rắn thông thường không thể tái chế: Chủ dự án thu gom lưu giữ vào trong kho chứa 15 m² và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/tuần.

+ Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, bùn từ bể tự hoại, Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Chủ dự án sẽ bố trí khu vực lưu chứa CTNH hại có diện tích 10 m² có mái che, trong kho bố trí 03 thùng chứa dung tích từ 20 - 50 lít/thùng để lưu giữ CTNH phát sinh; ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Chủ dự án bố trí 01 kho chứa CTNH có diện tích 06 m² (bố trí phía Tây Nam dự án) thuộc khu nhà chứa chất thải rắn. Kho có tường bao kín, cửa khóa, ngoài có biển báo, biển cảnh báo theo quy định. Trong kho bố trí 05 thùng chứa để thu gom CTNH. Các thùng chứa được dán tên loại chất thải, mã CTNH theo quy định.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo đúng quy định.

4.3. Đất bóc tách tầng đất mặt từ đất trồng lúa nước 2 vụ, đất đào hồ nước

Khối lượng đất bóc tách tầng đất mặt (đất trồng lúa nước 02 vụ), đất đào hồ nước được Chủ dự án sử dụng toàn bộ để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị sử dụng theo quy định.

- Hạn chế hoạt động cùng một thời điểm các máy móc có phát sinh tiếng ồn lớn, nhằm tránh sự cộng hưởng làm gia tăng độ ồn.

b) Giai đoạn vận hành dự án

- Tại khu vực nhà trung bày giới thiệu sản phẩm, khu vực nhà đóng gói sản phẩm: Chọn nguyên vật liệu xây dựng có khả năng cách âm tốt để thiết kế trần, sàn, tường nhà; bố trí hệ thống cửa, lắp ráp cửa kính cách âm, hệ thống âm thanh đạt chuẩn để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

- Quy định và hướng dẫn các phương tiện ra vào khu vực dự án, tuân theo sự điều phối của bảo vệ.

- Cấm các xe chở quá tải trọng quy định để giảm thiểu rung động.

- Lắp đệm chống ồn, rung trong quá trình lắp máy phát điện và các thiết bị gây ồn khác.

4.5. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Biện pháp giảm thiểu đối với an toàn lao động: Bố trí, trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như: Mũ bảo hiểm, khẩu trang, áo phản quang, đèn tín hiệu, cờ báo, phòng hộ cá nhân trong các công việc xây dựng nguy hiểm dễ gây thương tích,...; công nhân thi công được huấn luyện, thực hành thao tác, kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật và đáp ứng kịp thời khi có sự cố xảy ra.

b) Giai đoạn vận hành

- Biện pháp giảm thiểu sự cố từ hệ thống bể xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.đêm

+ Chủ dự án bố trí 01 cán bộ thường xuyên theo dõi, kiểm tra bể xử lý nước thải và chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

+ Khi hệ thống bể xử lý nước thải tập trung gặp sự cố như nước thải sau xử lý

không đạt quy chuẩn cho phép, Chủ dự án tiến hành khóa đường dẫn nước thải từ các khu vực phát sinh nước thải ra hệ thống xử lý nước thải, cử cán bộ tìm kiếm nguyên nhân, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới cho hệ thống vận hành trở lại.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

+ Dự án đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH cấp Giấy chứng nhận số 164/TD-PCCC ngày 04/11/2021 thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

+ Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy quy định đặt tại các vị trí dễ cháy nổ để thuận tiện sử dụng khi xảy ra sự cố.

+ Thường xuyên tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến và giáo dục kiến thức về phòng chống cháy nổ cho người lao động.

- Biện pháp phòng chống sự cố về CTNH

+ Yêu cầu công nhân thu gom, phân loại, lưu giữ CTNH theo từng loại riêng biệt, tuyệt đối không để CTNH có khả năng tương tác với nhau đặt gần nhau.

+ Khi có sự cố rò rỉ, phát tán CTNH ra môi trường xung quanh, Chủ dự án tiến hành thu gom CTNH vào thùng chứa, kho chứa và xử lý theo đúng quy định.

4.6. Danh mục công trình bảo vệ môi trường

TT	Hạng mục bảo vệ môi trường	Quy mô
1	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	01 hệ thống
2	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải	01 hệ thống
3	Hệ thống bể xử lý nước thải công suất 10 m ³ /ngày.đêm	01 hệ thống
4	Kho chứa chất thải rắn thông thường	15 m ²
5	Kho chứa chất thải nguy hại	06 m ²
6	Trồng cây xanh (chiếm 20,4%)	1.910 m ²

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Chương trình quản lý môi trường

- Chủ dự án bố trí 01 cán bộ phụ trách công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

- Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải phối hợp chặt chẽ với UBND thành phố Nam Định, Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện các giải pháp đảm bảo vấn đề an toàn, vệ sinh môi trường của dự án.

5.2. Chương trình giám sát môi trường

5.2.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh trong giai đoạn thi công xây dựng

- Vị trí giám sát: 02 vị trí ưu tiên gần khu dân cư (phía Bắc, phía Đông Nam dự án) tại khu vực xây dựng dự án trong thời gian quan trắc.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần trong giai đoạn thi công xây dựng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

5.2.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

a) Giám sát môi trường nước thải

- Vị trí giám sát: 01 mẫu lấy tại hố ga sau ngăn khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra kênh tiêu T3-6 phía Đông Nam dự án.

- Thông số quan trắc, giám sát: Lưu lượng nước thải đầu ra ($m^3/ngày.đêm$), pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua, Amoni (tính theo N), Nitrat, Phốt phat (tính theo P), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

- Tần suất quan trắc, giám sát: 01 lần/năm.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Hệ số áp dụng K = 1).

Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

b) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Kho chứa CTR, CTNH.

- Nội dung giám sát: Giám sát khối lượng, chủng loại và hóa đơn chứng từ giao nhận chất thải, thành phần CTR, CTNH; biện pháp phân loại, thu gom CTR, CTNH,...

- Tần suất quan trắc, giám sát: Giám sát thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu khác

- Hoạt động đúng với nội dung cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Vận hành thường xuyên, duy trì bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình, công nghệ xử lý đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường, đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì và vận hành hiệu quả. Cam kết đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo nước thải sau xử lý

đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A) khi cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn tỉnh có văn bản yêu cầu.

- Thực hiện bảo vệ, quản lý và sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác và theo các quy định của pháp luật về khoáng sản.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường, xã hội nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường./.